TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2019/HN-ST
Ngày: 09 - 8 - 2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** (Không tham gia)

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 586/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa

- *Bị đơn:* Ông Võ Hoàng P, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà H, ấp T1, xã T2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2019, đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 15/5/2019, bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà T và ông Võ Hoàng P đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 143, quyển số 01/2012 ngày 29/11/2012, tại Ủy ban nhân dân xã C1, thành phố C2, tỉnh Khánh Hòa. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đã hơn 04 năm, do bất đồng kinh tế, tình cảm, thiếu sự quan tâm, chăm sóc của người chồng. Bà T yêu cầu ly hôn ông P.

Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Tuấn K, sinh ngày 08/8/2013, đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi dưỡng con chung,

không yêu cầu ông P cấp dưỡng cháu K. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Vì điều kiện địa lý xa xôi, bà T đi làm, không thể xin nghỉ phép thường xuyên được. Bà T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà T tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

Đối với bị đơn Võ Hoàng P: Tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án không nhận văn bản trình bày ý kiến của ông P gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do ông P vắng mặt hai lần, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà T là người có quyền khởi kiện ông Võ Hoàng P tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Vĩnh Long, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T, ông P. Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã hơn 04 năm, do bất đồng kinh tế, tình cảm, yêu cầu ly hôn ông P. Ông P không cung cấp văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do nguyên đơn đưa ra.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà T, ông P không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện của bà T. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh hơn 04 năm nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn ông Võ Hoàng P.

[3] Về con chung: Cháu Võ Tuấn K, sinh ngày 08/8/2013 đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, ông P không cung cấp văn bản trình bày ý kiến về việc không đồng ý với ý kiến bà T nuôi dưỡng cháu K. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông P giao bà T nuôi dưỡng cháu K. Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng con chung, nên không buộc ông P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung.

[4] Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nợ chung: Không có. Án phí: Bà T nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 186, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Võ Hoàng P ly hôn với nhau.

Con chung: Buộc ông Võ Hoàng P giao bà Nguyễn Thị Thanh T nuôi dưỡng một con chung tên Võ Tuấn K, sinh ngày 08/8/2013. Ông Võ Hoàng P không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số No 0004504 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V nên bà Nguyễn Thị Thanh T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 2;
- UBND xã Cam Phước Đông, tp Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa: 1;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân